

## **GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN TRONG XÂY DỰNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG HÀI HÒA, ỔN ĐỊNH VÀ TIẾN BỘ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**ThS. PHẠM TIẾN NAM; ThS. PHẠM QUANG LONG;  
ThS. NGUYỄN PHI KHANH; CN. NGUYỄN XUÂN TOÀN;  
ThS. VÕ VĂN TIẾN; CN. ĐỖ VĂN ÁNH; ThS. PHAN THANH LÂN**  
Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình

### **1. Đặt vấn đề**

Trong thời gian tới, việc tham gia thực hiện cam kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới sẽ tác động nhiều mặt đến quan hệ lao động, tạo ra nhiều cơ hội và thách thức lớn đối với tổ chức công đoàn trong tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp (DN). Bên cạnh đó, tình hình quan hệ lao động trong các DN cũng sẽ diễn biến phức tạp, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng nguyên nhân sâu xa nhất, xuất phát từ nội tại trong mỗi một DN đó là: Sự mất cân bằng về quyền và lợi ích của mỗi bên trong quan hệ lao động; một số DN còn vi phạm pháp luật về lao động, nhất là về bảo hiểm xã hội, các chế độ, chính sách của người lao động. Ở tỉnh Quảng Bình, phần lớn DN đều có quy mô nhỏ; nhiều DN chưa thành lập tổ chức công đoàn, tiềm ẩn nguy cơ vi phạm pháp luật về lao động, xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong quan hệ lao động, dẫn đến tranh chấp lao động có thể xảy ra, làm nảy sinh các vụ đình công, lãn công, ngừng việc tập thể, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, sự phát triển bền vững của DN nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

Xuất phát từ thực tế đó, việc quyết định lựa chọn vấn đề nghiên cứu thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các cấp công đoàn trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại DN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là rất thiết thực.

### **2. Thực trạng quan hệ lao động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (năm 2018 đến năm 2020)**

#### ***2.1. Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc***

Kết quả khảo sát tại 105 công đoàn cơ sở (CĐCS) và 105 DN về tổ chức hội nghị người lao động, năm 2018 có 81 DN, đạt tỷ lệ 85,05%; năm 2020 có 91 DN, đạt tỷ lệ 95,55%. Theo báo cáo của Liên đoàn Lao động tỉnh, năm 2018 có 77 (tỷ lệ 95,06%) bản quy chế dân chủ cơ sở; năm 2020 có 88 (tỷ lệ 96,7%) bản quy chế dân chủ cơ sở được bổ sung, xây dựng mới.

Có thể thấy rằng, số DN tổ chức hội nghị người lao động mỗi năm mỗi tăng. Tuy nhiên, số DN tổ chức hội nghị người lao động chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc. Phản ánh năng lực của cán bộ CĐCS trong việc tham gia, phối hợp với chuyên môn cùng cấp thực hiện vai trò, chức năng tham gia quản lý, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

#### ***2.2. Vai trò của tổ chức công đoàn trong giải quyết tranh chấp lao động***

Trong những năm qua, các DN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa có vụ tranh chấp lao động tập thể nào xảy ra. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát trên ta thấy vẫn còn nhiều DN chưa xây dựng QCĐCCS, thương lượng, thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT), tổ chức hội nghị người lao động

và đối thoại định kỳ tại nơi làm việc. Thực trạng này sẽ không giải quyết được tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc của người lao động trong việc DN thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi của họ.

### **2.3. Tổ chức giao kết và thực hiện hợp đồng lao động**

Kết quả điều tra khảo sát thực tế tại 105 DN cho thấy, năm 2018 tổng số lao động thuộc đối tượng ký kết hợp đồng lao động (HĐLĐ) là 10.026 người, số lao động được ký kết HĐLĐ 10.016 người, tỷ lệ lao động được ký kết HĐLĐ đạt 99,9%; năm 2020, tổng số lao động thuộc đối tượng ký kết HĐLĐ là 10.386 người, số lao động được ký kết HĐLĐ 10.367 người, tỷ lệ lao động được ký kết HĐLĐ đạt 99,8%. Tuy vậy, năm 2018 vẫn còn 10 lao động và năm 2020 còn 19 lao động không được giao kết HĐLĐ, điều này phản ánh một thực tế là vai trò CĐCS ở các đơn vị, DN vẫn còn hạn chế, công tác hướng dẫn, tư vấn cho người lao động giao kết HĐLĐ chưa được chu đáo, đầy đủ; đồng thời người sử dụng lao động chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động về ký kết HĐLĐ.

### **2.4. Thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể**

Năm 2018, trong tổng số 105 DN có 72 DN thực hiện thương lượng, ký kết TULĐTT, đạt tỷ lệ 68,6%; trong đó, có 61 bản gửi cơ quan quản lý nhà nước, chiếm tỷ lệ 84,7% trong số TULĐTT được ký kết. Năm 2020, trong tổng số 105 DN có 80 DN thực hiện thương lượng, ký kết TULĐTT, đạt tỷ lệ 76,2%; trong đó, có 67 bản gửi cơ quan quản lý nhà nước, chiếm tỷ lệ 83,8% trong số TULĐTT được ký kết.

Vai trò của Ban chấp hành CĐCS trong việc thương lượng, ký kết TULĐTT còn hạn chế, chưa tác động mạnh đối với người sử dụng lao động, buộc phải đàm phán, thương lượng, để ký kết TULĐTT và gửi bản thỏa ước cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **2.5. Việc làm, tiền lương và phúc lợi xã hội**

Năm 2018, tổng số lao động có việc làm ổn định là 10.141 người, đạt 97,2%, trong đó lao

động nữ có việc làm ổn định 4.758 người, đạt 97,6%. Năm 2020, tổng số lao động có việc làm ổn định là 10.425 người, đạt 95,5%, trong đó lao động nữ có việc làm ổn định 5.239 người, đạt 95,6%. Lao động có việc làm ổn định năm 2020 giảm so với năm 2018 là 1,7%, trong đó lao động nữ có việc làm ổn định giảm 2,0%. Hạn chế trong giải quyết việc làm cho người lao động, đó là: Cơ cấu đào tạo lao động chưa hợp lý, còn tình trạng thừa thầy, thiếu thợ; công tác đào tạo chưa gắn với nhu cầu thị trường lao động; hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người lao động chưa hiệu quả.

Tiền lương từng bước cải thiện, tuy nhiên so với chỉ số giá tiêu dùng, tiền lương vẫn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đời sống của người lao động. Theo báo cáo thống kê của Liên đoàn Lao động tỉnh, tiền lương bình quân người lao động trong DN, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập năm 2018 đạt 3.909.103 đồng; năm 2021 đạt 4,5 triệu đồng/người. Trên thực tế, việc chi trả tiền lương cho người lao động ở nhiều DN ngoài khu vực nhà nước không ổn định, một số DN nợ lương của người lao động nhiều tháng, hoặc chỉ cho người lao động tạm ứng khoảng 60 - 75% tiền lương mỗi tháng; nhiều DN, người sử dụng lao động thường áp dụng việc trả lương theo sản phẩm hoặc theo công việc được ghi trong HĐLĐ và hàng năm thực hiện điều chỉnh thang lương, bảng lương để làm cơ sở tham gia BHXH khi Chính phủ ban hành nghị định điều chỉnh về lương tối thiểu vùng. Các đơn vị chưa có tổ chức công đoàn, chưa thực hiện đầy đủ các quy định về điều chỉnh lương hoặc nâng lương theo quy định.

### **2.6. Việc thực hiện các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Năm 2018, trong số 10.016 lao động ký kết HĐLĐ, có 9.395 lao động được đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, chiếm tỷ lệ 93,8%; năm 2020, trong số 10.367 lao động ký kết HĐLĐ, có 9.788 lao động được đăng ký tham gia, chiếm tỷ lệ 94,41%. Như vậy, còn một lực

lượng lao động chưa được đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN (năm 2018, có 621 lao động, chiếm 6,2 %; năm 2020, có 579 lao động, chiếm 5,58%). Tình hình nợ BHXH: Năm 2018, tổng số tiền cơ quan, đơn vị, DN nợ BHXH, BHYT, BHTN là 13.590.930,7 nghìn đồng; năm 2020: 13.848.047,8 nghìn đồng. Tính đến 31/12/2021, tổng số nợ BHXH gần 37 tỷ đồng.

Một số DN, nhất là DN ngoài khu vực nhà nước cố tình lách luật bằng cách hợp đồng bằng miệng, hợp đồng thử việc, học việc, mùa vụ, hợp đồng theo công việc để trốn đóng BHXH, dẫn đến số lao động được đăng ký tham gia BHXH luôn thấp hơn số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH; không ít DN chiếm dụng tiền trích nộp BHXH của người lao động, không thực hiện hoặc chậm đóng BHXH cho người lao động, dẫn đến nợ chậm đóng BHXH với số tiền lớn kéo dài nhiều năm, làm ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT.

### **2.7. Về an toàn, vệ sinh lao động**

Năm 2018 có 63 DN thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên, đạt 60%; năm 2020 có 71 DN thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên, đạt 67,6%. Năm 2018 có 71 DN bố trí người làm công tác an toàn vệ sinh lao động, đạt 67,7%; năm 2020 có 81 DN, đạt 77,1%.

Tình hình tai nạn lao động: Năm 2018 xảy ra 8 vụ, 8 người bị tai nạn lao động; năm 2020 xảy ra 10 vụ, 11 người bị tai nạn lao động, số vụ tăng 25%, số người bị tai nạn lao động tăng 37,5% so với 2018.

Tình hình bệnh nghề nghiệp: Năm 2018 có 6 người mắc bệnh nghề nghiệp; năm 2020 có 8 người mắc bệnh nghề nghiệp, tăng 33,3% so với năm 2018.

Như vậy có thể thấy, công tác an toàn, vệ sinh lao động ở một số DN chưa được chú trọng, vẫn còn nhiều DN chưa thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên, chưa bố trí cán bộ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động; số người lao động được huấn luyện định kỳ chiếm tỷ lệ rất thấp,...

**3. Các nhóm giải pháp nâng cao vai trò của các cấp công đoàn trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### **3.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quan hệ lao động**

Nâng cao nhận thức của cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn về tầm quan trọng của việc tham gia xây dựng pháp luật, chế độ, chính sách liên quan đến người lao động. Hướng dẫn cụ thể và tổ chức lấy ý kiến tham gia, góp ý với nhiều hình thức phong phú, phù hợp và phát huy ý kiến tham gia của đoàn viên, người lao động. Phát huy vai trò của người lao động trực tiếp sản xuất và cán bộ CĐCS tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; tăng cường đối thoại giữa tổ chức công đoàn đối với đoàn viên, người lao động trong quá trình tham gia xây dựng chính sách.

### **3.2. Nhóm giải pháp công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Chỉ đạo các công đoàn trực thuộc tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, chuyên môn cùng cấp và người sử dụng lao động thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và thực hiện QCĐCCS; tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Kết luận 120-KL/TW ngày 7/1/2016 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”; Hướng dẫn số 41/HD-TLĐ ngày 11/11/2021 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về công đoàn tham gia đối thoại và thực hiện QCĐCCS tại nơi làm việc.

### **3.3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể**

Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều

kiện lao động và quan hệ lao động, Hướng dẫn số 41/HD-TLĐ ngày 11/11/2021 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về công đoàn tham gia đối thoại và thực hiện QCDCCS tại nơi làm việc để CĐCS chủ động, đổi mới, linh hoạt trong tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và thực hiện quy trình thương lượng tập thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của DN.

### **3.4. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong công tác an toàn vệ sinh lao động**

Các cấp công đoàn, nhất là CĐCS thường xuyên cập nhật thông tin, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp để người lao động, người sử dụng lao động hiểu, nắm vững các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về công tác ATVSLĐ, đặc biệt ở các DN có đông công nhân lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATVSLĐ, trong đó trọng tâm là các quy định về công tác bảo hộ lao động và đẩy mạnh phong trào thi đua xanh - sạch - đẹp, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, từ đó tạo được bước chuyển biến tích cực trong công tác ATVSLĐ tại DN.

### **3.5. Nhóm giải pháp công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các chế độ chính sách của người lao động**

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp công đoàn về thực hiện chế độ, chính sách của người lao động. Phát huy vai trò giám sát của tổ chức công đoàn theo Quyết định số

217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát hàng năm.

### **3.6. Nhóm giải pháp về chăm lo đời sống, lợi ích thiết thân cho đoàn viên, người lao động**

Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong tham gia quản lý DN nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên, người lao động. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sử dụng lao động để thực hiện có hiệu quả lợi ích thiết thân cho đoàn viên và người lao động. Huy động nguồn lực tài chính để chủ động thực hiện chăm lo lợi ích thiết thân cho đoàn viên, người lao động. Tổ chức triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác giữa Liên đoàn Lao động tỉnh với các đối tác trên địa bàn để thực hiện phúc lợi cho đoàn viên, người lao động.

## **4. Kết luận**

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong DN đòi hỏi sự vào cuộc của hệ thống chính trị cùng tham gia, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động; thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể, giải quyết tốt tranh chấp lao động và đình công, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong DN, bảo đảm thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ■

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Lan Anh, Vũ Kim Thanh (2017). *Nâng cao vai trò của công đoàn trong thực hiện quyền lợi đảm bảo, phúc lợi tốt hơn cho đoàn viên và người lao động*, Nxb Lao động.
2. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình năm 2018, 2019, 2020.
3. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua trong công nhân viên chức lao động và hoạt động công đoàn năm 2018, 2019, 2020, 2021.
4. Bộ Luật Lao động năm 2012.
5. TS. Nguyễn Huy Khoa (2020). *Pháp luật Việt Nam về thương lượng tập thể trong quan hệ lao động*, Nxb Lao động.
6. PGS.TS. Vũ Quang Thọ (2019). *Quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động ở Việt Nam*, Nxb Lao động.
7. TS. Vũ Minh Tiến (2015). *Dự báo tác động tới việc làm, quan hệ lao động và hoạt động công đoàn khi Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại tự do*, Nxb Lao động.
8. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2020). *Cẩm nang thương lượng, ký kết và tổ chức thực hiện thỏa ước lao động tập thể*, Nxb Lao động.
9. Phan Thị Tuyết, Nguyễn Thị Lan Anh (2020). *Cẩm nang pháp luật về quan hệ lao động*, Nxb Lao động.